TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Ngọc Quyền

2/. Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương S:

- Nguyên đơn: Chị PTH, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh VVS, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh S vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị PTH trình bày: Vào năm 2009, được S đồng ý của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh S nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và anh S là hoàn toàn tự nguyện, sau đó chị và anh S có đi đăng ký kết

hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh S là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Anh S có người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị đã từng bắt gặp anh S với người phụ nữ đó và chị cũng đã từng tha thứ để tạo cơ hội cho anh S quay về với vợ con nhưng anh S không chịu thay đổi, vẫn tính nào tật nấy và ngày càng lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ đó, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nữa, hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh S nữa nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh VVS.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh S có 02 người con chung tên VAK, sinh ngày 25/9/2012 và VTN, sinh ngày 11/7/2017. Hiện tại cả hai cháuK vàN đang sống cùng với chị nên nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh VVS: Mặc dù anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh S theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị PTH là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh VVS chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị H và anh S kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh S nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị H và anh S sống ly thân cho đến nay thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháuK vàN. Anh S không tranh chấp quyền nuôi con với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai người con tên VAK, sinh ngày 25/9/2012 và VTN, sinh ngày 11/7/2017 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị H và anh S không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh VVS, anh S có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị PTH có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân S, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

Anh VVS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh S vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân S, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H và anh S kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị H và anh S lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện tại chị H và anh S cũng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 02 năm nay. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện ý chí anh chị mong muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị H và anh S là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào

Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị H và anh S chung sống với nhau có 02 người con chung tên VAK, sinh ngày 25/9/2012 và VTN, sinh ngày 11/7/2017. Từ lúc chị H và anh S sống ly thân với nhau đến nay thì chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháuK vàN. Chị H vẫn đảm bảo cho các cháu học tập bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho S phát triển của con. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháuK vàN khi đang sống với chị H nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao cả 02 người con tên VAK, sinh ngày 25/9/2012 và VTN, sinh ngày 11/7/2017 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị PTH không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh VVS.

Anh VVS có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh S chứng minh được việc chị H nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị PTH và anh VVS không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị PTH đối với anh VVS; Xử cho chị PTH được ly hôn với anh VVS.

2/. Về con chung: Giao 02 người con tên VAK, sinh ngày 25/9/2012 và VTN, sinh ngày 11/7/2017 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháuK vàN đang sống cùng với chị H nên được giữ nguyên.

Chị PTH không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh VVS.

Anh S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị PTH phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012615 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân S huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân S. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân S.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương S, báo cho các đương S biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Văn An

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương S;
- Lưu hồ sơ vụ án;